

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XIV

Phẩm 7: THÁNH HẠNH 4

Này thiện nam! Ta quán các hành thấy đều vô thường. Vì sao biết? Vì do nhân duyên. Nếu có các pháp từ duyên mà sinh thì biết là vô thường. Các ngoại đạo này không có một pháp nào mà chẳng từ duyên sinh. Này thiện nam! Phật tánh không sinh, không diệt, không đến, không đi, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải do nhân duyên tạo ra, cũng chẳng phải không do nhân duyên tạo ra, chẳng phải tạo tác, chẳng phải tướng, chẳng phải không có tướng, chẳng phải có tên gọi, chẳng phải không có tên gọi, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải thuộc về ấm, giới, nhập. Vì thế nên gọi là thường. Này thiện nam! Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là pháp, pháp tức là thường. Vì nghĩa này nên những pháp từ nhân duyên sinh thì không gọi là thường. Các ngoại đạo này không có một pháp nào chẳng từ nhân duyên sinh. Này thiện nam! Các ngoại đạo này không thấy Phật tánh, Như Lai và Pháp. Cho nên những lời nói của ngoại đạo đều là hư dối, không chân thật. Các hàng phàm phu lúc trước thấy bình, y, xe cộ, nhà cửa, thành quách, sông nước, núi rừng, nam, nữ, voi, ngựa, trâu, dê; lúc sau thấy tướng tợ liền cho là thường. Nên biết những thứ ấy thật chẳng phải là thường. Này thiện nam! Tất cả hữu vi đều vô thường, vì vậy hư không vô vi là thường, Phật tánh vô vi là thường. Hư không vô vi tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là vô vi, vô vi tức là thường, thường tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là vô vi, vô vi tức là thường. Này thiện nam! Pháp hữu vi có hai thứ: Sắc pháp và phi sắc pháp. Phi sắc pháp tức là tâm và tâm sở. Sắc pháp là đất, nước, lửa, gió.

Này thiện nam! Tâm gọi là vô thường. Vì sao? Vì tánh của nó là duyên dựa, phân biệt tương ứng. Này thiện nam! Tánh của nhãn thức khác, cho đến tánh của ý thức khác, cho nên vô thường. Này thiện nam! Cảnh giới của sắc khác, cho đến cảnh giới của pháp khác, cho nên vô thường. Này thiện nam! Nhãn thức tương ứng khác, cho đến ý thức tương ứng khác, cho nên vô thường. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì nhãn thức lẽ ra một mình duyên tất cả các pháp. Này thiện nam! Nếu nhãn thức khác, cho đến ý thức khác thì biết là vô thường. Vì các pháp giống nhau, niệm niệm sinh diệt nên phàm phu thấy rồi chấp là thường. Này thiện nam! Các tướng nhân duyên có thể tan hoại nên cũng gọi là vô thường. Nghĩa là, nhân một mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân suy nghĩ mà sinh ra nhãn thức. Khi nhãn thức sinh thì các nhân đều khác, chẳng phải là nhân duyên của nhãn thức, cho đến ý thức khác cũng như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Nhân duyên của các hành hoại, nên tâm gọi là vô thường. Đó là tâm tu các pháp vô thường khác, tâm tu các pháp khổ, không, vô ngã khác. Nếu tâm là thường thì lẽ ra thường tu vô thường, còn không được quán pháp khổ, không, vô ngã, huống nữa lại được quán pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong giáo pháp của ngoại đạo không thể tiếp nhận thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Nên biết tâm, pháp chắc chắn là vô thường. Lại nữa, này thiện nam! Vì tâm tánh sai khác nên gọi là vô thường. Nghĩa là tâm tánh của Thanh văn khác, tâm tánh của Duyên giác khác, tâm tánh của chư Phật khác. Tất cả ngoại đạo có ba thứ tâm: Một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm viển ly tại gia. Tâm tương ứng với lạc khác, tâm tương ứng với khổ khác, tâm tương ứng với không khổ, không lạc khác, tâm tương ứng với tham dục khác, tâm tương ứng với sân giận khác, tâm tương ứng với ngu si khác. Tâm tương ứng của tất cả ngoại đạo cũng khác. Nghĩa là tâm tương ứng với ngu si khác, tâm tương ứng với nghi hoặc khác, tâm tương ứng với tà kiến khác, cử chỉ oai nghi tâm ấy cũng khác. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì cũng chẳng thể phân biệt các sắc như xanh, vàng, đỏ, trắng, tím. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì nhớ nghĩ các pháp đáng lẽ không quên mất. Này thiện nam! Nếu

tâm là thường thì phạm đọa tụng lẽ ra chẳng tăng trưởng. Lại nữa, này thiện nam! Nếu tâm là thường thì lẽ ra không nên nói đã làm, đương làm và sẽ làm. Nếu có việc đã làm, đương làm và sẽ làm thì nên biết tâm này chắc chắn vô thường. Này thiện nam! Nếu tâm là thường thì không có oán thân, chẳng phải oán, chẳng phải thân. Nếu tâm thường thì không nên nói rằng vật của ta, vật của người, hoặc chết, hoặc sống. Nếu tâm là thường thì tuy có tạo tác cũng chẳng tăng trưởng. Này thiện nam! Vì nghĩa này nên biết tâm tánh ai nấy đều sai khác, có sai khác nên biết vô thường. Này thiện nam! Nay Ta ở trong phi sắc pháp này đã diễn nói vô thường, nghĩa ấy rõ ràng, lại sẽ vì ông mà nói sắc vô thường. Sắc này vô thường vốn không có sinh, vì sinh đã diệt. Khi phôi bào ở trong thai thì vốn không có sinh, vì sinh đã biến đổi. Bề ngoài, các mầm cây vốn cũng không sinh, vì sinh đã biến đổi.

Do đó nên biết tất các pháp thấy đều vô thường. Này thiện nam! Cái sắc có được tùy theo thời gian mà biến đổi, khi thai bảy ngày khác, khi thai hai tháng bảy ngày khác, khi thai ba tháng bảy ngày khác, khi thai bốn tháng bảy ngày khác, khi thai năm tháng bảy ngày khác, khi mới sinh khác, khi trẻ thơ khác, khi mười lăm tuổi khác, cho đến khi già mỗi mỗi đều đổi khác. Ngoại sắc có được cũng như vậy, lúc nảy mầm khác, lúc lên cây khác, lúc mọc nhánh khác, lúc sinh lá khác, lúc trở hoa khác, lúc kết trái khác. Lại nữa, này thiện nam! Phôi bào ở trong cũng khác, khi thai bảy ngày khác, cho đến lúc già mỗi mỗi đổi khác. Các vị bên ngoài cũng như vậy, vị của mầm, cây, nhánh, lá, hoa, quả đều khác. Sức khi phôi bào khác, cho đến sức khi già khác. Tướng trạng khi phôi bào khác cho đến tướng trạng khi già cũng khác. Quả báo khi phôi bào khác, cho đến quả báo khi già cũng khác. Tên gọi lúc phôi bào khác, cho đến tên gọi lúc già cũng khác. Đó là nội sắc hoại rồi trở lại hợp, cho nên biết là vô thường. Các cây cối bên ngoài cũng hoại rồi trở lại hợp, cho nên biết là vô thường. Lại theo thứ lớp dần dần sinh, cho nên biết vô thường. Lại theo thứ lớp lúc sinh phôi bào, cho đến khi già, cũng theo thứ tự lúc sinh mầm, cho đến trở quả kết hạt cũng vậy, cho nên biết vô thường. Các sắc có thể diệt, cho nên biết vô thường. Khi phôi

bào diệt khác, cho nên khi già diệt khác. Khi mầm diệt khác, cho đến khi quả diệt khác, cho nên biết vô thường. Hàng phàm phu không biết, thấy sinh giống nhau nên chấp cho là thường. Vì nghĩa này nên gọi là vô thường, vô thường tức là khổ, khổ tức là bất tịnh.

Này thiện nam! Nhân Ca-diếp trước đã hỏi việc này và Ta đã đáp rồi.

Lại nữa, này thiện nam! các hành vô ngã. Này thiện nam! Bao gồm tất cả các pháp gọi là sắc và phi sắc. Sắc chẳng phải là ngã. Vì sao? Vì có thể phá, có thể hoại, có thể vỡ, có thể đánh, có thể tăng trưởng. Ngã ấy không thể phá, hoại, vỡ, đánh, sinh, tăng trưởng, vì nghĩa này cho nên biết sắc chẳng phải ngã, pháp phi sắc cũng chẳng phải ngã. Vì sao? Vì do duyên sinh. Này thiện nam! Nếu các ngoại đạo do chuyên niệm cho nên biết có ngã thì tánh của chuyên niệm thật chẳng phải ngã. Nếu cho chuyên niệm là tánh của ngã thì việc quá khứ có quên mất. Vì có quên nên biết chắc chắn là vô ngã. Này thiện nam! Các ngoại đạo cho là do nhớ tưởng nên biết có ngã, không nhớ tưởng cho nên biết chắc chắn là vô ngã. Như nói thấy người bàn tay có sáu ngón, liền hỏi: “Ta trước gặp nhau ở chỗ nào nhỉ?”. Nếu có ngã thì đáng lẽ không hỏi lại. Vì hỏi nhau nên biết chắc chắn vô ngã. Này thiện nam! Có ngoại đạo cho là vì có ngăn ngại nên biết có ngã. Này thiện nam! Vì có ngăn ngại nên biết chắc chắn vô ngã. Như nói Điều-đạt không bao giờ nói thì chẳng phải là Điều-đạt. Ngã cũng như vậy, nếu chắc chắn là ngã thì không bao giờ có ngã ngăn ngại. Vì ngã ngăn ngại nên biết chắc chắn vô ngã. Nếu do ngăn ngại mà biết có ngã thì nay ông không bị ngăn ngại chắc chắn là vô ngã. Này thiện nam! Nếu có ngoại đạo cho là bạn, chẳng phải là bạn mà biết có ngã thì vì không có bạn cho nên không có ngã. Có pháp không có bạn, đó là Như Lai, hư không, Phật tánh. Ngã cũng như vậy, thật không có bạn. Vì nghĩa này nên biết chắc chắn là vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là có tên gọi nên biết có ngã thì trong pháp vô ngã cũng có tên của ngã. Như người nghèo hèn tên gọi là Phú Quý. Như nói tôi chết, nếu tôi chết thì tôi giết tôi, nhưng tôi thật không thể giết, giả gọi giết tôi. Cũng như người lùn tên là Cao. Vì nghĩa này nên biết chắc chắn vô ngã.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu có ngoại đạo cho là người mới sinh, đã đòi bú nên biết có ngã thì, này thiện nam! Nếu có ngã thì tất cả trẻ con lẽ ra không bốc phân dơ, lửa, rắn và thuốc độc. Vì nghĩa này nên biết chắc chắn vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! tất cả chúng sinh đối với ba pháp đều biết hết, đó là dâm dục, ăn uống và sợ hãi, cho nên vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là có tướng mạo nên biết có ngã thì, này thiện nam! Vì có tướng nên vô ngã, vì vô tướng nên cũng vô ngã. Nếu người lúc ngủ không thể đi đứng, ngược cúi, nhìn ngó, không biết khổ vui thì không có ngã. Nếu cho là đi đứng, ngược cúi, nhìn ngó mà biết có ngã thì người máy lẽ ra cũng có ngã. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, không đi, không đứng, không ngược, không cúi, không nhìn, không ngó, không khổ, không vui, không tham, không sân, không si, không làm. Như vậy Như Lai thật có ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là thấy người khác ăn trái cây nên trong miệng sinh nước miếng biết là có ngã thì, này thiện nam! Vì nhớ nghĩ nên thấy thì chảy nước miếng chẳng phải ngã, ngã cũng chẳng phải nước miếng, chẳng vui, chẳng buồn, chẳng ngáp, chẳng cười, chẳng nằm, chẳng đứng, chẳng đói, chẳng no. Vì nghĩa này nên biết chắc chắn vô ngã. Này thiện nam! Các ngoại đạo này ngu si như trẻ con, không có trí tuệ, phương tiện thì không thể hiểu rõ thường và vô thường, khổ - vui, tịnh - bất tịnh, ngã - vô ngã, thọ mạng - chẳng phải thọ mạng, chúng sinh - chẳng phải chúng sinh, thật - chẳng phải thật, có - chẳng phải có. Đối với pháp Phật họ chỉ lấy một phần nhỏ rồi vọng chấp có thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng thật không biết thường, lạc, ngã, tịnh. Như người mù bẩm sinh không biết màu sắc của sữa, liền hỏi người khác: “Màu sữa giống thứ gì?”. Người khác đáp: “Màu sữa trắng như vỏ ốc”. Người mù lại hỏi: “Màu sữa giống như tiếng ốc chẳng?”. Đáp: “Không phải”. Lại hỏi: “Màu của ốc giống thứ gì?”. Đáp: “Giống như bột gạo”. Người mù lại hỏi: “Màu của sữa mềm mại giống như bột lúa gạo chẳng? Bột lúa gạo giống thứ gì?”. Đáp: “Giống như tuyết rơi”. Người mù lại hỏi: “Bột gạo lạnh như tuyết chẳng? Tuyết lại giống thứ gì?”. Đáp: “Giống như chim bạch hạc”. Người mù này tuy nghe bốn loại ví dụ như vậy nhưng hoàn toàn không biết được màu thật

của sữa. Các ngoại đạo này cũng như vậy, hoàn toàn không biết được thường, lạc, ngã, tịnh. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên trong pháp Phật của Ta có chân lý chân thật mà hàng ngoại đạo chẳng có được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay! Hôm nay Như Lai sắp nhập Niết-bàn, thị hiện phương tiện chuyển pháp luân vô thượng nên mới phân biệt chân đế như vậy.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

–Nay ông vì sao đối với Như Lai sinh khởi tưởng Niết-bàn? Đây thiện nam! Như Lai thật là thường trụ, không biến đổi, không nhập Niết-bàn. Đây thiện nam! Hoặc có người chấp ta là Phật, ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta tức là pháp, pháp là của ta, ta tức là đạo, đạo là của ta, ta tức là Thế Tôn, Thế Tôn là của ta, ta là Thanh văn, Thanh văn là của ta, ta có thể nói pháp cho người khác nghe, thọ trì, ta chuyển pháp luân, người khác không thể chuyển được. Như Lai hoàn toàn không chấp như vậy. Cho nên Như Lai không chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Hoặc có người vọng chấp như vậy: Ta tức là mắt, mắt là của ta, tai, mũi, lưỡi, thân ý cũng như vậy; ta tức là sắc, sắc tức là của ta, cho đến pháp cũng như vậy; ta là đất, đất là của ta, nước, gió, lửa cũng như vậy. Đây thiện nam! Hoặc có người nói ta là tín, tín là của ta, ta là đa văn, đa văn là của ta, ta tức là bố thí Ba-la-mật, bố thí Ba-la-mật là của ta, ta tức là trì giới Ba-la-mật, trì giới Ba-la-mật là của ta, ta là nhẫn nhục Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật là của ta, ta là tinh tấn Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật là của ta, ta là thiền định Ba-la-mật, thiền định Ba-la-mật là của ta, ta là trí tuệ Ba-la-mật, trí tuệ Ba-la-mật là của ta, ta là bốn Niệm xứ, bốn Niệm xứ là của ta, bốn Chánh cầu, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo cũng như vậy. Đây thiện nam! Như Lai hoàn toàn không chấp như vậy, nên Như Lai không chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu cho rằng Như Lai thường trú, không biến đổi, thì vì sao nói Phật chuyển pháp luân? Cho nên, nay ông không nên nói Như Lai thị hiện phương tiện

chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Ví như do mắt duyên sắc, duyên ánh sáng, duyên tư duy do nhân duyên hòa hợp sinh ra nhãn thức. Đây thiện nam! Mắt không nghĩ, ta có thể sinh ra thức, sắc cho đến tư duy, cũng hoàn toàn không nghĩ ta sinh ra nhãn thức. Nhãn thức cũng không nghĩ ta có thể tự sinh. Đây thiện nam! Như vậy, các pháp do nhân duyên hòa hợp được gọi là thấy. Đây thiện nam! Như Lai cũng vậy, nhân nói sáu Ba-la-mật và ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề nên biết rõ các pháp. Như Lai lại nhân nơi yết hầu, lưỡi, răng, môi, miệng, lời nói, âm thanh vì Kiều-trần-như bắt đầu thuyết pháp, gọi là Chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên Như Lai không gọi là Chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu không có người chuyển pháp luân thì gọi là pháp, pháp tức là Như Lai. Đây thiện nam! Ví như do đồ dùng lấy lửa, do cái dùi, do tay, do phân bò khô mà sinh ra lửa. Đồ dùng lấy lửa cũng không nói ta có thể sinh ra lửa. Dùi, tay, phân bò khô cũng không cho là ta có khả năng sinh ra lửa. Lửa cũng không nói ta có thể tự sinh. Như Lai cũng vậy, do sáu Ba-la-mật, cho đến Kiều-trần-như gọi là chuyển pháp luân. Như Lai cũng không nghĩ Ta chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu không sinh niệm như vậy thì gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân tức là Như Lai. Đây thiện nam! Ví như do sữa đặc, nước, khuấy, bình, giầy, tay người cầm mà được thành bơ. Sữa đặc không nghĩ ta có thể sinh ra bơ, cho đến tay người cầm cũng không nghĩ ta có thể sinh ra bơ. Bơ cũng không nghĩ ta có thể tự sinh. Do các nhân duyên hòa hợp mới sinh ra bơ. Như Lai cũng vậy, hoàn toàn không nghĩ Ta chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu không nghĩ như vậy thì gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Đây thiện nam! Ví như do hạt giống, đất, nước, gió, lửa, phân, thời gian, do người làm nên mầm mới sinh được. Đây thiện nam! Hạt giống cũng không nghĩ ta có thể sinh ra mầm cho đến người làm cũng không nghĩ ta có thể sinh ra mầm. Mầm cũng không nghĩ ta có thể tự sinh. Như Lai cũng vậy hoàn toàn không nghĩ Ta chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu không nghĩ như vậy thì gọi là Chuyển chánh pháp luân. Chuyển chánh pháp luân tức là Như Lai.

Này thiện nam! Ví như do trống, do khoảng không, do da, do

người, do dùi hòa hợp mà phát ra tiếng. Trống không nghĩ ta có thể phát ra tiếng cho đến dùi cũng vậy. Tiếng cũng không nói ta có thể tự sinh. Nay thiện nam! Như Lai cũng vậy, hoàn toàn không nghĩ Ta chuyển pháp luân. Nay thiện nam! Chuyển pháp luân gọi là không tạo tác, không tạo tác gọi là chuyển pháp luân, chuyển pháp luân tức Như Lai. Nay thiện nam! Chuyển pháp luân chính là cảnh giới chư Phật Thế Tôn, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được. Nay thiện nam! Hư không chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo, chẳng phải tác, chẳng phải pháp hữu vi, như tánh Như Lai. Phật tánh cũng vậy, chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo, chẳng phải tác, chẳng phải pháp hữu vi. Nay thiện nam! Ngôn ngữ của chư Phật Thế Tôn có hai loại: Một là ngôn ngữ thế gian, hai là ngôn ngữ xuất thế gian. Nay thiện nam! Như Lai vì hàng Thanh văn, Duyên giác mà nói ra ngôn ngữ thế gian, vì hàng Bồ-tát mà nói ra ngôn ngữ xuất thế gian. Nay thiện nam! Các đại chúng này cũng có hai hạng: Một là hạng cầu Tiểu thừa, hai là hạng cầu Đại thừa. Xưa Ta ở thành Ba-la-nại vì hàng Thanh văn mà chuyển pháp luân. Nay bắt đầu ở thành Câu-thi-na này, vì các Bồ-tát chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Lại có hai hạng người trung căn và thượng căn. Vì hạng trung căn ở Ba-la-nại, Ta chuyển pháp luân; vì hạng thượng căn bậc Tượng vương trong loài người như Bồ-tát Ca-diếp, nay ở thành Câu-thi-na này, Ta chuyển đại pháp luân. Nay thiện nam! Đối với hạng căn cơ rất thấp kém, Như Lai không bao giờ chuyển pháp luân, hạng căn cơ thấp kém tức là Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Người cầu Phật đạo có hai hạng: Một là trung tinh tấn, hai là thượng tinh tấn. Ở nơi Ba-la-nại vì hạng trung tinh tấn, Ta chuyển pháp luân. Nay ở thành Câu-thi-na này, vì hạng thượng tinh tấn, Ta chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Xưa Ta ở thành Ba-la-nại ban đầu chuyển pháp luân có tám vạn hàng trời người chứng được quả Tu-đà-hoàn. Nay ở thành Câu-thi-na này có tám mươi vạn ức người không còn thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng. Lại nữa, này thiện nam! Ở thành Ba-la-nại, vua trời Đại Phạm cúi đầu thỉnh Ta chuyển pháp luân. Nay tại thành Câu-thi-na này, Bồ-tát Ca-diếp đánh lễ thỉnh Như Lai chuyển

đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Khi xưa Ta ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân, nói về vô thường, khổ, không, vô ngã. Nay Ta ở thành Câu-thi-na này, lúc chuyển pháp luân thì nói về thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Xưa Ta ở thành Ba-la-nại, lúc chuyển pháp luân phát ra âm thanh vang đến cõi Phạm thiên. Nay Như Lai ở thành Câu-thi-na, khi chuyển pháp luân phát ra âm thanh vang đến hai mươi hằng hà sa thế giới chư Phật ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía, trên dưới cũng như vậy. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn có nói ra điều gì, đều gọi là chuyển pháp luân. Này thiện nam! Ví như Thánh vương có xe báu, người chưa hàng phục thì khiến hàng phục, người đã hàng phục rồi làm cho được an ổn. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp cũng như vậy. Người có vô lượng phiền não chưa điều phục khiến điều phục, người đã điều phục rồi khiến phát sinh căn lành. Này thiện nam! Ví như Thánh vương có xe báu, có thể tiêu diệt tất cả oán địch. Như Lai thuyết pháp cũng như vậy, có thể khiến tất cả giặc phiền não đều tịch tĩnh. Lại nữa, này thiện nam! Ví như Thánh vương có xe báu, xoay chuyển trên dưới. Như Lai thuyết pháp cũng như vậy, có thể khiến các chúng sinh ác ở cõi dưới được sinh lên cõi trời, người cho đến được thành Phật đạo. Này thiện nam! Vì vậy, nay ông không nên khen ngợi Như Lai chuyển pháp luân ở đây.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đối với nghĩa này chẳng phải là không biết, sở dĩ hỏi là muốn tạo lợi ích cho các chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Từ lâu con đã biết chuyển pháp luân, thật là cảnh giới của chư Phật Như Lai, chẳng phải là hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát trụ nơi kinh Đại Niết Bàn Đại Thừa thực hành Thánh hạnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lại vì nghĩa gì gọi là Thánh hạnh?

–Này thiện nam! Thánh là chư Phật Thế Tôn, do nghĩa này nên

gọi là Thánh hạnh.

–Bạch Thế Tôn! Nếu là chỗ thực hành của chư Phật thì hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát chẳng có thể tu hành được.

–Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn an trụ nơi Đại Bát Niết Bàn này, khai thị, phân biệt, giảng nói nghĩa đó. Hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát nghe như vậy rồi, có thể phụng hành nên gọi là Thánh hạnh. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thực hành Thánh hạnh này rồi thì được trụ nơi địa Vô sở úy. Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát trụ nơi địa Vô sở úy này thì không sợ tham, sân, si, sinh, già, bệnh, chết, cũng không sợ rơi vào đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Này thiện nam! Ác có hai thứ: Một là A-tu-la, hai là ở trong loài người. Trong loài người có ba thứ ác: Một là Nhất-xiển-đề, hai là phỉ báng kinh điển Đại thừa, ba là phạm bốn tội nặng. Này thiện nam! Bồ-tát an trụ trong địa này hoàn toàn không sợ đọa trong các đường ác như vậy, cũng không sợ Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo, tà kiến và thiên ma Ba-tuần, cũng lại không sợ thọ sinh ở hai mươi lăm cõi, cho nên địa này gọi là Vô sở úy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ địa vô sở úy đạt được hai mươi lăm Tam-muội, hủy hoại hai mươi lăm cõi. Này thiện nam! Đạt được Tam-muội Vô cấu có thể phá hoại cõi địa ngục. Đạt được Tam-muội Vô thoái có thể phá hoại cõi súc sinh. Đạt được Tam-muội Tâm lạc có thể phá hoại cõi ngạ quỷ. Đạt được Tam-muội Hoan hỷ có thể hoại cõi A-tu-la. Đạt được Tam-muội Nhật quang có thể hoại cõi Phất-bà-đề. Đạt được Tam-muội Nguyệt quang có thể đoạn cõi Tây-ngưu-hóa (Cù-đa-ni). Đạt được Tam-muội Nhiệt viêm có thể đoạn cõi Uất-đơn-việt. Đạt được Tam-muội Như huyền có thể đoạn cõi Diêm-phù-đề. Đạt được Tam-muội Nhất thiết pháp bất động có thể đoạn cõi Tứ Thiên vương. Đạt được Tam-muội Nan phục có thể đoạn cõi trời Tam Thập Tam. Đạt được Tam-muội Duyệt ý có thể đoạn cõi trời Viêm Ma. Đạt được Tam-muội Thanh sắc có thể đoạn cõi trời Đâu-suất. Đạt được Tam-muội Hoàng sắc có thể đoạn cõi trời Hóa Lạc. Đạt được Tam-muội Xích sắc có thể đoạn cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Đạt được Tam-muội Bạch sắc có thể đoạn cõi Sơ Thiên. Đạt được Tam-muội Chủng chúng có thể đoạn cõi trời Đại Phạm. Đạt được Tam-muội Song có thể đoạn

cõi trời Nhị Thiên. Đạt được Tam-muội Lô âm có thể đoạn cõi Tam Thiên. Đạt được Tam-muội Chú vũ có thể đoạn cõi Tứ Thiên. Đạt được Tam-muội Như hư không có thể đoạn cõi Vô Tướng. Đạt được Tam-muội Chiêu kính có thể đoạn cõi Tịnh Cư A-na-hàm. Đạt được Tam-muội Vô ngại có thể đoạn cõi Không vô biên xứ. Đạt được Tam-muội thường có thể đoạn cõi Thức vô biên xứ. Đạt được Tam-muội Lạc có thể đoạn cõi Vô sở hữu xứ. Đạt được Tam-muội Ngã có thể đoạn cõi Phi tướng phi phi tướng xứ. Nay thiện nam! Đó là Bồ-tát đạt được hai mươi lăm Tam-muội đoạn hai mươi lăm cõi. Nay Thiện nam! Hai mươi lăm Tam-muội ấy gọi là vua các Tam-muội. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát nhập vào các vua Tam-muội như vậy, nếu muốn thổi tan núi Tu-di thì có thể tùy ý, muốn biết tâm niệm của mỗi chúng sinh ở tam thiên đại thiên thế giới đều có thể biết, muốn đem chúng sinh ở trong tam thiên đại thiên thế giới để vào trong một lỗ chân lông của thân mình đều có thể tùy ý, mà khiến chúng sinh trong ấy không có tướng chật hẹp, nếu muốn hóa vô lượng chúng sinh đầy tam thiên đại thiên thế giới thì cũng được tùy ý, chia một thân làm nhiều thân, lại hợp nhiều thân làm một thân, tuy làm như vậy nhưng tâm không vướng mắc giống như hoa sen.

Nay thiện nam! Đại Bồ-tát được nhập vào vua Tam-muội này rồi, liền được trụ trong địa Tự tại. Bồ-tát trụ trong địa Tự tại này thì được sắc tự tại, tùy ý muốn sinh chỗ nào thì được sinh đến chỗ đó. Nay thiện nam! Ví như Chuyển luân Thánh vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, có thể tùy ý đi lại không chướng ngại, Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với tất cả mọi nơi, nếu muốn sinh đến thì được tùy ý. Nay thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát thấy tất cả chúng sinh trong địa ngục có thể giáo hóa khiến họ được trụ căn lành thì Bồ-tát liền sinh vào trong đó. Bồ-tát tuy sinh trong đó nhưng chẳng phải do nghiệp quả. Đại Bồ-tát ở trong địa Tự tại đều do lực nhân duyên mà sinh vào trong đó. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tuy ở trong chốn địa ngục mà không bị chịu khổ thiêu đốt nát thân v.v... Nay thiện nam! Đại Bồ-tát đã thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức công đức như vậy còn không thể biết hết, huống nữa là công đức của chư Phật mà có thể giảng nói được.

Bấy giờ, trong chúng có một Bồ-tát tên là Trụ Vô Cấu Tạng Vương có oai đức lớn, thành tựu thần thông, đắc Tam-muội Đại tổng trì đầy đủ, không còn sợ hãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, công đức trí tuệ mà chư Phật Bồ-tát đã thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức thật không thể kể hết, nhưng theo ý con thì không bằng kinh điển Đại thừa này. Vì sao? Vì nhân nơi diệu lực của kinh Phương Đẳng Đại Thừa này mà có thể phát sinh đạo quả Bồ-đề vô thượng của chư Phật Thế Tôn.

Lúc ấy, Đức Phật khen:

–Lành thay! Lành thay! Đây thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông nói. Tuy thành tựu vô lượng công đức nhưng nếu muốn so sánh với kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng này thì không thể được, dù trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần cho đến dùng toán số cũng không thể sánh được. Đây thiện nam! Ví như từ bò sinh sữa, từ sữa sinh được sữa đặc, từ sữa đặc sinh váng sữa, từ váng sữa sinh bơ, từ bơ sinh đề hồ, đề hồ là hơn hết, nếu có người uống thì các bệnh tiêu trừ, vì các loại thuốc đều ở trong ấy. Đây thiện nam! Đức Phật cũng vậy, từ Đức Phật mà có ra Mười hai bộ loại kinh văn, từ Mười hai bộ loại kinh văn sinh ra kinh, từ kinh mà có kinh Đại thừa, từ kinh Đại thừa mà sinh ra trí tuệ Ba-la-mật, từ trí tuệ Ba-la-mật sinh ra Đại Niết-bàn, giống như đề hồ. Nói đề hồ là dụ cho Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai. Đây thiện nam! Vì nghĩa đó nên nói Như Lai có vô lượng vô biên công đức không thể tính kể.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật tán thán kinh Đại Niết-bàn giống như đề hồ là tối thượng tối diệu, nếu có người uống thì trừ được các bệnh, vì tất cả các thứ thuốc đều chứa trong đó. Con nghe việc đó rồi lại trộm nghĩ: “Nếu có người không kính thọ kinh này thì nên biết đó là người ngu si, không có tâm thiện. Bạch Thế Tôn! Con nay thật có thể chịu lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, xẻ xương làm bút để biên chép kinh Đại Niết-bàn này. Biên chép rồi

đọc tụng thông suốt, sau đó giảng nói rộng nghĩa ấy cho người. Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh tham đắm tài vật thì con sẽ bố thí tài vật, sau đó đem kinh Niết-bàn này khuyên họ đọc tụng. Hoặc đối với những vật tôn quý, trước hết dùng ái ngữ tùy thuận ý họ, sau đó dần dần đem kinh Đại Niết Bàn Đại Thừa này khuyến khích họ đọc tụng. Đối với những người dân thường con sẽ dùng oai lực khiến họ đọc tụng. Nếu người nào kiêu mạn con sẽ làm tội tở tùy thuận ý họ, làm cho họ hoan hỷ, sau đó sẽ đem kinh Đại Niết-bàn này chỉ dẫn cho họ. Đối với những người chê bai kinh Đại thừa con sẽ dùng oai lực thu phục họ, đã thu phục họ rồi, sau đó khuyến khích họ đọc tụng kinh Đại Niết-bàn này. Nếu có người thích kinh Đại Niết-bàn con sẽ đích thân đi đến cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Lành thay! Lành thay! Ông rất mến ưa kinh Đại thừa, ham thích kinh điển Đại thừa, mến mộ kinh Đại thừa, có hứng thú với kinh Đại thừa, tin kính, tôn trọng, cúng dường kinh Đại thừa. Nay thiện nam! Nay ông nhờ tâm thiện này sẽ được siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa các Đại Bồ-tát, tức thời chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông không bao lâu nữa cũng như Ta, vì đại chúng giảng nói rộng rãi về tạng bí mật Đại Bát Niết Bàn, Như Lai, Phật tánh mà chư Phật đã giảng nói. Nay thiện nam! Vào thời quá khứ lúc mặt trời Phật chưa xuất hiện, bấy giờ Ta làm Bà-la-môn tu hạnh Bồ-tát, thông đạt tất cả kinh luận của ngoại đạo, tu hạnh vắng lặng, đầy đủ oai nghi, tâm ý thanh tịnh, không bị các dục tưởng do duyên bên ngoài sinh khởi phá hoại, diệt lửa sân giận, thọ trì pháp thường, lạc, ngã, tịnh, tìm cầu kinh điển Đại thừa ở khắp nơi nhưng thậm chí chẳng nghe danh tự Phương đẳng. Lúc đó, Ta ở núi Tuyết, núi ấy thanh tịnh, có dòng suối chảy, ao tắm, rừng cây thuốc, đầy khắp mặt đất, trong các hang đá có nước chảy trong vắt, có hương hoa tô điểm khắp nơi, muôn loài chim thú không thể kể hết, nhiều thứ trái ngon tươi tốt không thể tính đếm. Lại có vô lượng ngó sen, củ sen, cây xanh, rễ thơm. Lúc ấy, Ta ở một mình trong đó, chỉ ăn trái cây, ăn xong ngồi thiền, chuyên tâm quán tưởng, trải qua vô lượng năm cũng không nghe có Như Lai ra đời và tên kinh Đại thừa.

Này thiện nam! Khi Ta tu hạnh khổ khó làm như thế thì Thích-đề-hoàn-nhân, chư Thiên, loài người tâm rất kinh ngạc, liền cùng nhau tập hợp lại nói kệ:

*Cùng chỉ bày cho nhau
Trong núi Tuyết thanh tịnh
Bậc là dục tịch tĩnh
Vua công đức trang nghiêm
Đã lia tham, sân, mạn
Dứt dua nịnh ngu si
Miệng chưa từng nói ra
Những lời nói thô ác.*

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử tên là Hoan Hỷ nói kệ:

*Người là dục như vậy
Thanh tịnh siêng tinh tấn
Chẳng cầu làm Đế thích
Và cả chư Thiên chẳng
Nếu là người ngoại đạo
Tu hành các khổ hạnh
Là người nhiều mong cầu
Chỗ ngồi của Đế thích*

Lúc này, lại có một Tiên Thiên tử vì Đế thích mà nói kệ:

*Thiên chủ Kiều-thi-ca
Không nên sinh lo buồn
Ngoại đạo tu khổ hạnh
Cần gì cầu Đế thích.*

Nói kệ xong, vị Thiên tử này liền thưa với Đế thích: “Thưa Kiều-thi-ca! Có bậc Đại sĩ trong thế gian vì chúng sinh chẳng tham tiếc thân mình, vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh mà tu vô lượng việc khó làm. Người như vậy thấy được các lỗi lầm trong sinh tử, dù thấy của báu đầy cả mặt đất, các núi, biển cả cũng không sinh tâm tham muốn, như thấy mũi dãi. Bậc Đại sĩ này xả bỏ của báu, vợ con thân yêu, đầu, mắt, tủy não, tay chân, chi phần da thịt, nhà cửa, voi

ngựa, xe cộ, nô tỳ, người hầu, cũng không mong cầu sinh lên cõi trời, chỉ muốn làm cho tất cả chúng sinh được an vui. Như con đã hiểu, bậc Đại sĩ như thế thanh tịnh không ô nhiễm, dứt hết các kiết sử, chỉ mong cầu chứng đắc đạo Bồ-đề vô thượng”. Thích-đề-hoàn-nhân lại bảo: “Như lời ông nói thì người này vì cứu giúp tất cả chúng sinh trong đời. Nay Đại Tiên! Nếu thế gian này có cây Phật thì có thể dứt trừ rắn độc phiền não cho tất cả chư Thiên, loài người và A-tu-la. Nếu có chúng sinh được ở dưới bóng mát của cây Phật thì phiền não và các độc thầy đều tiêu diệt. Nay Đại Tiên! Người này ở đời vị lai sẽ thành Phật thì chúng ta được diệt trừ vô lượng phiền não đang thiêu đốt, việc này thật khó tin. Vì sao? Vì vô lượng trăm ngàn chúng sinh phát tâm Bồ-đề vô thượng, thấy rất ít duyên nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng nên liền lay chuyển. Như ánh trăng trong nước, khi nước động thì trăng động theo. Như vẽ tượng khó thành dễ hoại. Cũng vậy, tâm Bồ-đề khó phát mà dễ hoại. Nay Đại Tiên! Như có nhiều người mặc giáp cầm binh khí muốn tiến tới trước để dẹp giặc, nhưng lúc ra trận sợ hãi liền thoái lui. Vô lượng chúng sinh cũng như vậy, phát tâm Bồ-đề vững chắc để tự trang nghiêm, nhưng khi thấy hoạn sinh tử sinh tâm sợ hãi liền thoái lui. Nay Đại Tiên! Ta thấy vô lượng chúng sinh như thế, sau khi phát tâm Bồ-đề đều sinh tâm lay chuyển. Cho nên, nay ta thấy người này tu hành khổ hạnh, không còn phiền não, không còn nóng bức, ở nơi đường nguy hiểm người ấy tu hành thanh tịnh, nhưng cũng chưa thể tin được. Nay ta cần phải đích thân đến thử để biết vị ấy thật có gánh vác nổi đạo quả Bồ-đề vô thượng không. Nay Đại Tiên! Như xe có hai bánh thì có công dụng chuyên chở, như chim có hai cánh mới có thể bay được. Người này tu khổ hạnh cũng như vậy. Ta tuy thấy người ấy kiên trì giữ giới cấm, nhưng chưa biết người ấy có được trí thâm sâu chăng. Nếu có trí thâm sâu thì biết người ấy có thể gánh vác Bồ-đề vô thượng. Nay Đại Tiên! Ví như cá mẹ có nhiều trứng nhưng khi nở con thì rất ít, như cây xoài trổ nhiều hoa mà khi kết quả thì rất ít. Chúng sinh phát tâm Bồ-đề đông vô lượng, nhưng người thành tựu đạo quả thì rất ít. Nay Đại Tiên! Ta sẽ cùng ông đi qua chỗ vị ấy thử xem. Nay Đại Tiên! Ví như vàng ròng phải qua ba lần thử mới biết là vàng thật, đó

là đốt, đập và mài. Nay ta thử người tu khổ hạnh ấy cũng như thế.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân tự biết thân mình làm quỷ La-sát, hình tượng rất đáng sợ đến dưới núi Tuyết đứng cách vị tu hành khổ hạnh không xa. Lúc ấy, tâm quỷ La-sát không sợ sệt, mạnh mẽ khó lường, lần lượt dùng biện tài cất tiếng thanh nhã, tuyên nói nửa bài kệ của Đức Phật trong quá khứ:

*Các hành vô thường
Là pháp sinh diệt.*

Nói nửa bài kệ xong liền đến trước vị ấy hiện hình rất đáng sợ, trừng mắt nhìn xem khắp bốn phương. Người tu khổ hạnh này nghe nửa bài kệ rồi, tâm rất vui mừng. Ví như lũ khách ban đêm đi đến chỗ nguy hiểm, thất lạc bạn bè, sợ hãi, tìm cầu, bỗng gặp được bạn đồng hành nên lòng rất vui mừng, vô cùng phấn khởi, cũng như người bệnh lâu ngày chưa gặp vị lương y, người chăm sóc và thuốc hay, sau mới gặp được, như người bị chìm đắm trong biển cả, bỗng gặp được thuyền bè, như người khát gặp được dòng nước mát, như người bị oán thù đuổi bắt mà bỗng được thoát khỏi, như người bị trời đã lâu bỗng nghe được thả, cũng như nông phu lúc trời nóng hạn gặp được mưa, như người đi xa về nhà, mọi người thấy đều rất vui mừng. Nay thiện nam! Bấy giờ ta nghe nửa bài kệ ấy rồi, trong tâm vui mừng cũng như vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dùng tay vén tóc ngoái nhìn bốn phía, hướng về chỗ phát ra bài kệ xem ai đã nói. Bấy giờ cũng không thấy ai khác, mà chỉ thấy La-sát, liền nói: “Các pháp môn mở bày giải thoát như vậy, ai có thể vang động âm thanh chư Phật? Ai đã ở trong giấc ngủ sinh tử mà một mình tỉnh thức, xướng lên lời như vậy? Ai có thể ở đây đem đạo vị vô thượng chỉ dạy cho chúng sinh đang đói khát trong dòng sinh tử? Vô lượng chúng sinh đang chìm đắm trong biển sinh tử, ai có thể ở trong đó làm thuyền trưởng? Những chúng sinh này thường bị bệnh nặng phiền não trói buộc, ai có thể ở trong đó làm lương y, nói nửa bài kệ khai mở tâm tôi, giống như nửa mặt trăng, như hoa sen dần dần nở”.

Nay thiện nam! Lúc ấy, Ta không thấy ai cả, chỉ thấy La-sát, lại nghĩ: “Chẳng lẽ La-sát này nói kệ ấy chẳng?”. Nhưng lại sinh

nghe: “Hay chẳng phải vị ấy nói. Vì sao? Vì người ấy tướng mạo rất đáng sợ. Nếu có người nghe được câu kệ ấy thì tất cả những sợ hãi, xấu xí liền tiêu trừ. Vậy người có tướng mạo xấu xí này có thể nói bài kệ như thế. Không lẽ trong lửa sinh ra hoa sen, chẳng phải trong ánh sáng mặt trời lại sinh ra nước trong mát?”. Nay thiện nam! Lúc đó, Ta lại nghĩ như vậy: “Nay Ta không biết được, quý La-sát này hoặc đã được gặp chư Phật trong quá khứ, được nghe nửa bài kệ này từ chư Phật, nay Ta nên hỏi”. Ta liền đến trước chỗ La-sát mà nói thế này: “Lành thay Đại sĩ! Ông ở chỗ nào được nghe nửa bài kệ của bậc Vô bố úy trong quá khứ đã nói vậy? Nay Đại sĩ! Lại ở chỗ nào mà được nửa viên ngọc như ý này? Nay Đại sĩ! Nghĩa của nửa bài kệ này chính là đạo chân chánh của chư Phật Thế Tôn ở đời quá khứ, vị lai và hiện tại. Tất cả vô lượng chúng sinh trong thế gian thường bị lưới tà kiến che lấp, suốt đời này ở trong pháp ngoại đạo, ban đầu không nghe được lời dạy về nghĩa “Không” của đấng Thập Lực Thế Hùng”. Nay thiện nam! Ta hỏi rồi, La-sát liền đáp: “Nay Đại Bà-la-môn! Nay ông không nên hỏi tôi nghĩa này. Vì sao? Vì tôi không ăn đến nay đã nhiều ngày rồi, đi khắp mọi nơi cầu xin mà không thể được, bị đói khát, khổ não, tâm trí tán loạn nên nói những lời như vậy, chứ chẳng phải trong tâm tôi vốn đã biết được. Giả sử nay sức của tôi có thể bay lên hư không đến cõi Uất-đơn-việt cho đến cõi trời, khắp nơi xin ăn cũng không được, do vậy cho nên tôi nói lời này”. Nay thiện nam! Lúc đó Ta nói với quý La-sát: “Nếu Đại sĩ có thể vì tôi nói hết bài kệ thì tôi sẽ trọn đời làm đệ tử của ông. Đại sĩ! Lời ông nói ra danh tự không đầy đủ, ý nghĩa không hoàn toàn. Vì nhân duyên gì mà không muốn nói?”. Phàm bố thí của cải thì có lúc cũng cạn kiệt, còn nhân duyên bố thí pháp thì không thể cùng tận. Tuy không cùng tận nhưng có nhiều sự lợi ích. Nay tôi nghe nửa bài kệ pháp này sinh lòng nghi, mong Đại sĩ vì tôi có thể nói hết bài kệ để đoạn trừ sự nghi ngờ này. Tôi sẽ suốt đời làm đệ tử Đại sĩ. La-sát đáp: “Ông khôn quá chỉ biết thân mình mà hoàn toàn chẳng thấy là ta đang bị đói khổ bức bách, thật lòng không thể nói được”. Ta liền hỏi: “Thức ăn của Đại sĩ là gì?”. La-sát đáp: “Ông đừng hỏi đến, nếu ta nói ra thì làm nhiều người kinh sợ”. Ta lại hỏi:

“Ở đây chỉ có mình tôi, không có người nào khác, tôi không sợ Đại sĩ vì sao không nói?”. La-sát đáp: “Thức ăn của tôi là thịt sống của người, thức uống của tôi là máu nóng của người, vì tôi phước mỏng nên chỉ ăn thức ăn này, tìm cầu khôn khổ khắp nơi mà không thể được. Ở đời tuy có nhiều người nhưng đều có phước đức, lại được chư Thiên hộ vệ. Tôi không đủ sức nên không thể giết được”.

Này thiện nam! Ta lại nói: “Đại sĩ chỉ nói đầy đủ nửa bài kệ ấy, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng cúng cho người. Thưa Đại sĩ! Thân này của tôi dù chết đi sẽ không dùng được gì, chỉ làm thức ăn cho cọp, sói, cú mèo, chim kiêu, chim cắt, kên kên, chẳng được chút mảy may phước đức. Nay tôi vì cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng nên xả bỏ thân không bền chắc để đổi thân bền chắc”. La-sát nói: “Ai sẽ tin lời của ông như thế, vì tám chữ mà bỏ thân đáng yêu?”.

Này thiện nam! Ta liền đáp: “Ông thật không hiểu! Ví như có người đem đồ sành sứ cho người khác mà được đồ bằng bẫy báu, tôi cũng như vậy, bỏ thân không bền chắc mà được thân kim cương. Ông nói ai tin được lời ấy thì nay tôi sẽ làm chứng. Đại Phạm Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân và Tứ Thiên vương đều có thể làm chứng việc này. Lại có các vị Bồ-tát chứng được Thiên nhân vì muốn tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, tu hành pháp Đại thừa đầy đủ sáu độ cũng có thể chứng biết. Lại có chư Phật Thế Tôn trong mười phương làm lợi ích cho chúng sinh, cũng có thể làm chứng cho tôi vì tám chữ mà xả bỏ thân mạng”. La-sát lại nói: “Nếu ông có thể xả bỏ thân mạng như thế thì hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà nói nửa bài kệ còn lại”.

Này thiện nam! Lúc ấy Ta nghe lời ấy rồi trong tâm rất vui mừng, liền cởi tấm da nai đang mặc nơi thân trái làm pháp tòa cho La-sát ngồi, bạch: “Thưa Hòa thượng xin ngồi trên tòa này”. Ta liền ở trước chấp tay quỳ gối, thưa: “Nguyện xin Hòa thượng vì tôi mà nói nửa bài kệ còn lại khiến cho được đầy đủ”. La-sát liền nói:

Sinh diệt diệt rồi

Tịch diệt là vui.

Bấy giờ, La-sát nói kệ này rồi, lại nói tiếp: “Thưa Đại Bồ-tát!

Nay ông đã nghe đủ nghĩa bài kệ, sự mong cầu của ông đã được viên mãn. Nếu ông muốn làm lợi ích cho các chúng sinh thì hãy thí thân cho tôi”.

Này thiện nam! Lúc ấy Ta suy nghĩ kỹ nghĩa này, sau đó biên chép bài kệ này khắp nơi, hoặc trên đá, hoặc trên tường, hoặc trên cây, hoặc bên đường đi. Xong liền cột xiêm y, sợ sau khi chết thân thể lộ ra, rồi leo lên cây cao. Bấy giờ, Thần cây lại hỏi Ta: “Lành thay! Nhân giả muốn làm việc gì?”.

Này thiện nam! Khi ấy Ta đáp: “Ta muốn bỏ thân để trả giá bài kệ”. Thần cây hỏi: “Bài kệ này có lợi ích gì?”. Ta đáp: “Câu kệ này chính là lời khai mở đạo pháp “không” của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại. Tôi vì pháp này mà xả bỏ thân mạng, không vì lợi dưỡng danh tiếng, của báu, sự vui sướng của ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, Bốn đại Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm Thiên vương, hàng trời, người, mà vì muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh nên xả bỏ thân này”.

Này thiện nam! Lúc xả bỏ thân Ta suy nghĩ: “Nguyện cho tất cả người keo kiệt đều đến chứng kiến tôi xả bỏ thân này. Hoặc có người bố thí được chút ít mà khởi tâm cao ngạo, cũng khiến được thấy tôi vì bài kệ này mà xả bỏ thân này, như bỏ cỏ cây”. Bấy giờ, Ta nói lời ấy rồi, liền thả mình rơi xuống. Khi xuống chưa đến mặt đất thì trong hư không phát ra đủ thứ âm thanh. Các âm thanh ấy vang đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Bấy giờ, La-sát hiện lại thân Đế Thích, ở trong hư không ôm lấy thân Ta để nhẹ trên đất. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và chư Thiên, loài người, Đại Phạm thiên vương, cúi đầu làm lễ dưới chân Ta, tán thán: “Lành thay! Lành thay! Đây chính là Bồ-tát có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh, muốn thấp sáng ngọn đèn đại pháp trong vô minh tối tăm. Vì tôi ưa môn đại pháp của Như Lai nên gây phiền toái cho Bồ-tát, nguyện xin Bồ-tát cho tôi sám hối tội lỗi. Ở đời vị lai Bồ-tát nhất định thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Nguyện xin cứu độ cho chúng tôi”.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và chúng chư Thiên đánh lễ dưới chân Ta để từ giả rồi bỗng nhiên biến mất.

Này thiện nam! Như Ta thuở xưa vì nửa bài kệ nên xả bỏ thân này. Do nhân duyên ấy nên Ta siêu việt trọn mười hai kiếp, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước Di-lặc. Này thiện nam! Ta được vô lượng công đức như vậy đều là do cúng dường chánh pháp của Như Lai. Này thiện nam! Nay ông cũng nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy, thì đã vượt lên trên vô lượng vô biên hằng hà sa các Bồ-tát. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát trụ nơi Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, tu tập Thánh hạnh.

